

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HSST

Ngày: 13/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Bà Hoàng Thị Thu Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Cán bộ TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn T2 Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2024 tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 98/2023/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/HSST – QĐ ngày 11/01/2024, Thông báo mở phiên tòa ngày 29/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị L**; Năm sinh: 1991; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1; Nơi sinh, nơi cư trú: Xóm 6, xã N2, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Đoàn Văn T - Sinh năm: 1963; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1972; Gia đình có 2 chị em, L là con thứ nhất; Chồng: Đoàn Văn Q - Sinh năm: 1990; Có 02 con, Con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022.

- Tiền án, tiền sự: Chưa có.

- Nhân thân: Ngày 13/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong ngày 13/9/2019. Ngày 25/11/2019, chấp hành xong nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Bản án số 10/2023/HSST ngày 02/3/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Bị can Nguyễn Thị L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/4/2023 cho đến nay.

Bị hại: Anh Trần Văn C, sinh năm 1982 và chị Phạm Thị T2, sinh năm 1972. Trú tại: Tổ 7, khu 1B, phường A, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.(có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1981. Trú tại: Xóm P, xã X, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do vay nợ nhiều không có khả năng trả nợ, Nguyễn Thị L (tên gọi khác là Đoàn Thị L1/Nguyễn Thị L1) nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang đi thế chấp vay tiền. Thông qua mạng xã hội Facebook, L đặt của một người không quen biết, làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) có số se-ri CU279546 đứng tên Nguyễn Thị L và Đoàn Văn Q, sinh năm 1990, ở xóm 6, xã N2, huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định (là chồng L) với giá 5.000.000 đồng.

Ngày 28/9/2022, được Phạm Thế Hưởng (là lái xe dịch vụ quen biết khi chở mẹ con L đi viện) giới thiệu. L cùng Hưởng đi xuống nhà chị Nguyễn Thị N1, ở xóm P, xã X, huyện Trục Ninh để vay tiền. Tại nhà chị N1, L nói: “Em đang đáo hạn N1 hàng, em muốn vay chị bốn trăm triệu, em có mảnh đất nhưng không muốn bán, em đặt cọc chỗ chị” đồng thời đưa cho chị N1 GCNQSDĐ giả có số se-ri CU279546. Do không biết đây là GCNQSDĐ giả, N1 tin tưởng cho L vay 400.000.000 đồng với mức lãi suất 4.500 đồng/triệu/ngày. L đã trả trước tiền lãi 10 ngày là 18.000.000 đồng cho N1. Đến ngày 07/10/2022, chị N1 yêu cầu L T2 toán tiền gốc nhưng L nói chưa có tiền trả. Để thu hồi số tiền gốc, N1 giới thiệu L bán mảnh đất theo GCNQSDĐ có số se-ri CU279546 cho Trần Văn C, ở tổ 7, khu 1B, phường A, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (là họ hàng của N1), L đồng ý.

Ngày 07/10/2022 tại nhà N1, do không biết L sử dụng GCNQSDĐ giả để giao dịch nên anh C đã đồng ý mua lại mảnh đất có GCNQSDĐ số sê-ri CU279546 với giá 1.000.000.000 đồng và đặt cọc trước 400.000.000 đồng, khi nào L hoàn thiện thủ sang tên mảnh đất cho anh C xong thì anh C sẽ T2 toán nốt số tiền còn lại. Trong lúc L đọc hợp đồng, C ra ngoài nghe điện thoại, lúc này L nói với Phạm Thị T2, sinh năm 1972, là vợ của anh C: “Em không muốn bán, em chỉ vay thôi”. T2 đồng ý và thỏa thuận cho L vay số tiền 400.000.000 đồng với lãi suất 4.500 đồng triệu/ngày, nếu L không trả được số tiền này thì phải bán đất cho T2 và yêu cầu L vẫn ký hợp đồng bán đất như đã thỏa thuận với anh C lúc đầu. L đồng ý và ký vào hợp đồng, L yêu cầu vợ chồng anh C, T2 chuyển số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cho N1. C đã trả số tiền nêu trên cho N1 theo yêu cầu của L và L chuyển trả trước cho T2 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền lãi.

Đến ngày 10/10/2022, anh C yêu cầu L phải sang tên GCNQSDĐ số sê-ri CU279546 cho anh C nhưng lo sợ bị phát hiện là GCNQSDĐ giả, L nói dối anh C là “chồng L không muốn bán mảnh đất trên”, rồi tiếp tục nói dối và hứa hẹn sẽ bán cho anh C một mảnh đất khác có diện tích tương tự ở gần mảnh đất nêu trên

cũng với giá 1.000.000.000 đồng, anh C đồng ý. L biết chị Đỗ Thị V, sinh năm 1982, ở thôn Q, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định rao bán trên Zalo thửa đất số 104, tờ bản đồ số 14, diện tích 72m² ở xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. L tiếp tục lên mạng xã hội Facebook, liên hệ đặt làm giả 01 (một) GCNQSDĐ có số sê-ri DD629281 đứng tên Nguyễn Thị L có thông tin như mảnh đất của chị V đang bán. Đến ngày 14/10/2022, C yêu cầu L phải làm thủ tục sang tên mảnh đất như đã thỏa thuận, L đã chuyển thêm 4.000.000 đồng tiền lãi còn lại cho chị T2 rồi cùng N1 và C đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Nam Trực để làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ số sê-ri DD629281 cho anh C thì bị phát hiện GCNQSDĐ có số sê-ri DD629281 mang tên Nguyễn Thị L là giả và trình báo Công an huyện Nam Trực tiếp nhận giải quyết theo quy định.

Ngày 24/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị L về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo Khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự. Ngày 02/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực xét xử tuyên phạt Nguyễn Thị L 3 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo Điểm b, Khoản 2, Điều 341, Bộ luật hình sự đối với hành vi sử dụng GCNQSDĐ số sê-ri CU279546 để vay tiền của chị Kiều và GCNQSDĐ có số sê-ri DD629281 mang tên Nguyễn Thị L lừa bán đất cho anh C.

Ngày 19/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực chuyển nguồn tin về tội phạm Cơ quan CSĐT Công an huyện Trực Ninh để tiến hành xác minh giải quyết đối với hành vi Nguyễn Thị L theo thẩm quyền.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

Bản kết luận giám định số 1511/KL-KTHS ngày 18/10/2022 và Bản kết luận giám định số 1522/KL-KTHS ngày 19/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định xác định: GCNQSDĐ có số seri CU279546 và GCNQSDĐ có số seri DD629281 nêu trên là giả.

*** Việc thu giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:** Quá trình điều tra Phạm Thị T2 tự nguyện giao nộp số tiền 15.778.000 đồng và Nguyễn Thị N1 từ nguyện giao nộp số tiền 15.778.000 đồng là số tiền chiếm hưởng trái phép từ việc cho Nguyễn Thị L vay tiền, vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện chờ xử lý. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 plus màu đỏ, sử dụng số thuê bao 0339168269 là công cụ Nguyễn Thị L sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số se-ri CU279546 và số se-ri DD629281 do Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực thu giữ, đã bị Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xử lý theo bản án số 10/2023/HS-ST ngày 02/3 2023.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Đối với số tiền 400.000.000 đồng anh Trần Văn C đã chuyển cho chị Nguyễn Thị N1 theo yêu cầu của Nguyễn Thị L. Cơ quan điều tra đã yêu chị N1, L nộp lại để trả cho anh C tuy nhiên L và chị N1 chưa giao nộp.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Nguyễn Thị L đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số 77/CT- VKS - TN ngày 30 tháng 10 năm 2023 của VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng nêu trên, sau khi luận tội đã đề nghị: Tuyên bố Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 BLHS;

Xử phạt: Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) từ 08 năm đến 09 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” Tổng hợp hình phạt từ 11 năm 06 tháng đến 13 năm, 06 tháng tù. Đề nghị tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng của bản án số 10/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS; Điều 584; Điều 589; Điều 468 BLDS. Buộc Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn C và chị Phạm Thị T2 số tiền 400.000.000đồng.

Về vật chứng: Sung công quỹ nhà nước số tiền của chị Phạm Thị T2 tự nguyện giao nộp số tiền 15.778.000 đồng và chị Nguyễn Thị N1 từ nguyện giao nộp số tiền 15.778.000 đồng là số tiền chiếm hưởng trái phép từ việc cho Nguyễn Thị L vay tiền, vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, được thể hiện giấy nộp tiền tài khoản 3949090.....ngày 02/11/2023.

Bị cáo không tranh luận; Lời nói sau cùng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình Điều tra, truy tố điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo - HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Tháng 4 năm 2022, thông qua mạng xã hội FaceBook, Nguyễn Thị L đã thuê một người không quen biết làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có số se-ri CU279546 đứng tên Nguyễn Thị L và Đoàn Văn Q (là chồng L). Ngày 28/9/2022, Nguyễn Thị L sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để thế chấp vay của chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1981, ở xóm P, xã X, huyện Trục Ninh 400.000.000 đồng. Ngày 07/10/2022, Nguyễn Thị L tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này thỏa thuận bán đất cho anh Trần Văn C, sinh năm 1982, ở tổ 7, khu 1B, phường A, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh chiếm đoạt số tiền đặt cọc 400.000.000 đồng để trả nợ cho chị N1.

[3] Hành vi ngày 28/9/2022, Nguyễn Thị L dùng GCNQSDĐ giả có số sê-ri CU279546 vay của chị Nguyễn Thị N1 số tiền 400.000.000 đồng, khi chưa bị phát hiện Nguyễn Thị L đã dùng 400.000.000 đồng của anh C trả cho chị N1. Nên hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS.

Ngày 07/10/2022 L tiếp tục dùng GCNQSDĐ giả có số se-ri CU279546 lập hợp đồng bán đất cho vợ chồng anh C với giá 01 tỷ đồng. Hai bên thỏa thuận: Vợ chồng anh C đặt cọc trước cho L 400.000.000 đồng, mục đích của bị cáo L chiếm đoạt 400.000.000 đồng của anh C để trả nợ cho chị N1. Nên hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS. Như bản Cáo trạng số 77/CT- VKS - TN ngày 30 tháng 10 năm 2023 của VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được Bộ Luật hình sự công nhận và bảo vệ. Bị cáo là người đã đầy đủ trách hình sự, nhận thức được hành vi dùng tài liệu, giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi, vi phạm pháp luật của mình.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là phạm tội từ hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, xét nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) có trách nhiệm trả cho anh Anh Trần Văn C và chị Phạm Thị T2 số tiền 400.000.000đồng.

[9] Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Xung công quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng, số tiền này do L chuyển khoản đặt cọc cho anh C nhằm mục đích thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản được thể hiện giấy nộp tiền tài khoản 3949090.....ngày 31/03/2023.

[10] Án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 BLHS;

Xử phạt: Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) 07(bảy) năm, 06(sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. 03(ba) năm tù, về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp 03(ba) năm, 06(sáu) tháng tù của Bản án số 10/2023/HS-ST ngày 02/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cả 02 bản án là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS; Điều 584; Điều 589; Điều 468 BLDS. Buộc Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) có trách nhiệm trả cho anh Anh Trần Văn C và chị Phạm Thị T2 số tiền 400.000.000đồng(bốn trăm triệu đồng).

Sau án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Sung công quỹ nhà nước số tiền của chị Phạm Thị T2 tự nguyện giao nộp số tiền 15.778.000 đồng và chị Nguyễn Thị N1 tự nguyện giao nộp số tiền 15.778.000 đồng là số tiền chiếm hưởng trái phép từ việc cho Nguyễn Thị L vay tiền, vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, được thể hiện giấy nộp tiền tài khoản 3949090.....ngày 02/11/2023.

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326 /NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị L (Tên gọi khác: Nguyễn Thị L1/Đoàn Thị L1) phải

nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự buộc bị cáo phải nộp 20.000.000đồng.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nam Định (1 bản) .
- VKSND huyện Trực Ninh, (2 bản) .
- Công an Huyện Trực Ninh (2 bản).
- Chi cục THADS Huyện Trực Ninh (1 bản).
- UBND xã (1 bản)
- Bị cáo;
- Lưu HSVA (1 bản);
- Lưu : VP.

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh